

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY AN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04 /2020/HNGĐ-ST

Ngày: 19/3/2020

V/v: “Xin ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY AN, TỈNH PHÚ YÊN

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Bình.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Sáu – Cán bộ hưu trí thị trấn Chí Thạnh.

2. Ông Phạm Ngọc Trung – Giám đốc HTX dịch vụ vận tải đường bộ huyện Tuy An.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thanh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên không tham gia phiên tòa.

Ngày 19 tháng 3 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 269/2019/TLST- HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2019, về việc: “ Xin ly hôn ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Tuy An, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Xuân Q, sinh năm 1979.

2. *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị Hồng T, sinh năm 1983.

Đồng địa chỉ: Thôn B, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên. Anh Q có mặt; chị T vắng mặt, có đơn yêu cầu xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09/12/2019 và lời trình bày của nguyên đơn anh Nguyễn Xuân Q tại phiên tòa:

- Về quan hệ hôn nhân: Năm 2004 tôi có tự tìm hiểu và tự nguyện kết hôn với chị Nguyễn Thị Hồng T, được UBND xã A cấp giấy CNKH năm 2004 trên cơ sở tự nguyện. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2017 phát sinh mâu thuẫn.

Nguyên nhân là do chị T không lo làm ăn, gây ra nợ nần rất nhiều, từ đó vợ chồng bất đồng quan điểm, hay cãi vã. Nay xét thấy tình cảm không còn nên yêu cầu Toà án cho tôi được ly hôn với chị T

- Về con chung: Có 02 con chung tên là Nguyễn Mỹ N, sinh ngày 04/8/2004 và Nguyễn Như Q, sinh ngày 10/02/2014. Cháu N lâu nay do tôi trực tiếp nuôi dưỡng, còn cháu Q lâu nay do chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Nay tôi yêu cầu xin được tiếp tục nuôi dưỡng cháu N, không yêu cầu chị T cấp dưỡng, riêng cháu Q tôi thống nhất giao cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, tôi tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung (cháu Q) mỗi tháng 500.000 đồng, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 3/2020.

- Về tài sản chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn chị Nguyễn Thị Hồng T vắng mặt, tại bản tự khai lập ngày 25/02/2020 chị T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Năm 2004 tôi có tự tìm hiểu và tự nguyện kết hôn với anh Nguyễn Xuân Q có đăng ký kết hôn tại UBND xã A năm 2004 trên cơ sở tự nguyện. Đến năm 2017 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Q ngoại tình với người phụ nữ khác, nhiều lần đánh đập tôi, từ tháng 8/2019 chúng tôi sống ly thân cho đến nay, anh Q không liên lạc gì với tôi. Nay tôi thống nhất thuận tình ly hôn với anh Q

- Về con chung: Có hai con chung tên là Nguyễn Mỹ N – sinh ngày 04/8/2004 và Nguyễn Như Q – sinh ngày 10/02/2014. Hiện nay cháu N do anh Q trực tiếp nuôi dưỡng, còn cháu Q do tôi trực tiếp nuôi dưỡng. Nay tôi thống nhất giao cháu N cho anh Q tiếp tục nuôi dưỡng, tôi không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung; Riêng cháu Q tôi yêu cầu xin được tiếp tục nuôi dưỡng, đồng thời yêu cầu anh Q có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung (cháu Q) mỗi tháng 2.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 3/2020.

- Về tài sản chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Xuân Q khởi kiện chị Nguyễn Thị Hồng T về việc: “ Xin ly hôn”. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T. Tại phiên toà hôm nay bị đơn chị T vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó căn cứ khoản 1 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Toà án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Xuân Q và chị Nguyễn Thị Hồng T tự tìm hiểu và tự nguyện kết hôn, được UBND xã A cấp giấy CNKH năm 2004 trên cơ sở tự nguyện, đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm

2017 phát sinh mâu thuẫn. Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn anh Q cho rằng hiện nay không còn tình cảm gì với chị T và yêu cầu xin được ly hôn; Tại bản tự khai ngày 25/02/2020 chị T cho biết nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Q đã ngoại tình với người phụ nữ khác nên thống nhất thuận tình ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy: Thực tế thời gian vợ chồng mâu thuẫn và sống ly thân từ năm 2019 đến nay, không ai quan tâm đến ai, cho thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

[3]. Về con chung: Có 02 con chung tên là Nguyễn Mỹ N – sinh ngày 04/8/2004 và Nguyễn Như Q – sinh ngày 10/02/2014. Cháu N lâu nay do anh Q trực tiếp nuôi dưỡng, cháu Q lâu nay do chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Tại phiên tòa hôm nay anh Q yêu cầu xin được tiếp tục nuôi dưỡng cháu N (vì hiện nay cháu N đang bị bệnh tim) không yêu cầu chị T cấp dưỡng, riêng cháu Q anh Q yêu cầu giao cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, anh Q tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung (cháu Q) mỗi tháng 500.000 đồng; Tại bản tự khai ngày 25/02/2020 bị đơn chị T thống nhất giao cháu N cho anh Q tiếp tục nuôi dưỡng, riêng cháu Q chị T yêu cầu xin được tiếp tục nuôi dưỡng, đồng thời yêu cầu anh Q có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung (cháu Q) mỗi tháng 2.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 3/2020. HĐXX xét thấy cháu N lâu nay do anh Q trực tiếp nuôi dưỡng, tại bản tự khai lập ngày 18/02/2020 cháu N có nguyện vọng xin được ở với cha (Nguyễn Xuân Q); cháu Q lâu nay do chị T trực tiếp nuôi dưỡng, tình cảm mẹ con gắn bó. Do đó để đảm bảo về tâm sinh lý và sự phát triển bình thường của các cháu nên cần giao cháu N cho anh Q tiếp tục nuôi dưỡng; giao cháu Q cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng là đúng quy định và đạo đức xã hội. Đối với yêu cầu cấp dưỡng của bị đơn 2.000.000 đồng / tháng. Xét thấy anh Q hiện nay làm nghề biển, thu nhập cơ bản ổn định, tại phiên tòa anh Q tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu Q 500.000 đồng/ tháng và nại ra hiện nay do hoàn cảnh còn phải nuôi dưỡng cháu N (đang bị bệnh tim), tuy nhiên anh Q không cung cấp được tài liệu chứng cứ để chứng minh nên không có cơ sở xem xét. Do đó HĐXX cần chấp nhận một phần yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị T, buộc anh Q phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cháu (Q) mỗi tháng 750.000 đồng, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 3/2020 là phù hợp với pháp luật và đạo đức xã hội.

[4]. Về tài sản chung: Nguyên đơn và bị đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

Nguyên đơn phải chịu án phí HNGĐ-ST và án phí DSST về phần cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 55, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Anh Nguyễn Xuân Q được ly hôn với chị Nguyễn Thị Hồng T

2. Về con chung: Anh Nguyễn Xuân Q được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Nguyễn Mỹ N – sinh ngày 04/8/2004, chị T không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung; Chị Nguyễn Thị Hồng T được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Nguyễn Như Q – sinh ngày 10/02/2014. Buộc anh Nguyễn Xuân Q có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung (cháu Q) mỗi tháng 750.000 đồng, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 3/2020, cho đến khi phát sinh một trong các trường hợp quy định tại điều 118 Luật hôn nhân và gia đình thì chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Q, chị T được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc các con chung, không ai được quyền cản trở. Khi cần thiết các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 357 Bộ luật dân sự 2015.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Nguyên đơn anh Nguyễn Xuân Q phải chịu 300.000 đồng án phí HNGĐ-ST và 300.000 đồng án phí DSST về phần cấp dưỡng nuôi con chung, nhưng được khấu trừ số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu tiền số: 011800 ngày 12/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T. Anh Q còn phải nộp 300.000 đồng án phí DSST.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

*Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày niêm yết công khai bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND huyện T;
- THADS huyện T;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trần Văn Bình